

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**PHẠM TRỪ THÁI ĐỘ TRONG BÀI BÁO BÌNH LUẬN
KINH TẾ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT
THEO THUYẾT ĐÁNH GIÁ****VÕ NGUYỄN THÙY TRANG* - NGUYỄN VĂN LONG****

TÓM TẮT: Bài viết nhằm mục tiêu khảo sát việc sử dụng ngôn ngữ mang chức năng đánh giá “Thái độ” (Attitude) trong các bài báo bình luận kinh tế tiếng Anh và kinh tế tiếng Việt (BLKTTA và BLKTTV) trên nền tảng thuyết đánh giá của Martin và White (2005). Để tiến hành nghiên cứu, từ cách tiếp cận ngữ nghĩa diễn ngôn, phương pháp định tính và so sánh được sử dụng cùng với sự hỗ trợ của thông tin định lượng. Bộ dữ liệu bao gồm 50 bài báo BLKTTA và 50 bài báo BLKTTV. Sự hiện thực hóa phạm trù Thái độ với ba tiểu phạm trù (Cảm xúc, Phán xét, Đặc điểm) trong các bài báo được phân tích và so sánh. Về mặt ngữ nghĩa, kết quả cho thấy mặc dù có sự khác biệt về tần suất của Thái độ, các bài báo BLKTTA và BLKTTV đều sử dụng nguồn lực Phán xét nhiều nhất, với nét nghĩa tích cực nhiều hơn tiêu cực do phẩm chất của các thực thể được đánh giá và mục đích giao tiếp của người viết. Các nguồn Thái độ hàm ngôn được sử dụng nhiều hơn so với các nguồn lực hiển ngôn để phản ánh bản chất của các bài bình luận kinh tế. Kết quả nghiên cứu được sử dụng cho việc đọc hiểu, dịch thuật và viết văn bản bình luận.

TỪ KHÓA: ngôn ngữ đánh giá; thái độ; phán xét; cảm xúc; bài báo bình luận kinh tế.

NHẬN BÀI: 22/01/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/03/2025

1. Mở đầu

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, các bài viết về kinh tế, đặc biệt các bài báo bình luận kinh tế, là một công cụ hữu hiệu giúp độc giả hiểu được các vấn đề kinh tế và văn hóa kinh doanh ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở khía cạnh ngôn ngữ, các bài báo bình luận kinh tế bộc lộ thái độ, đánh giá của người viết hoặc công chúng về một sự kiện, chính sách kinh tế cụ thể. Phân tích các bài báo bình luận kinh tế với khung ngôn ngữ đánh giá phù hợp, chúng ta có thể biết được tư tưởng của tác giả và cách thức định vị người đọc để đạt mục tiêu giao tiếp của họ. Hiện nay, lý thuyết ngôn ngữ đánh giá của Martin và White (2005) được xem là khung lý thuyết có sức ảnh hưởng lớn nhất. Đã có một số công trình nghiên cứu phân tích ngôn ngữ đánh giá, tập trung vào phạm trù Thái độ trong diễn ngôn báo chí theo Lý thuyết ngôn ngữ đánh giá của Martin và White (2003) như Cavasso và Taboada (2021), Warren (1989), Hai-bi Wu (2021), Zaidi và White (2021). Tuy nhiên, để cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc hoạt động của ngôn ngữ đánh giá, bài viết này đi sâu phân tích ngôn ngữ đánh giá Thái độ trong các bài báo BLKTTA và BLKTTV để chỉ ra những điểm giống và khác trong xu hướng lựa chọn phương thức biểu đạt quan điểm chính kiến. Nghiên cứu sau khi hoàn thành sẽ giúp mọi người không chỉ có thể đọc hiểu một cách toàn diện các bài báo bình luận nói chung, bài bình luận kinh tế nói riêng mà còn có thể viết bài viết bình luận, đặc biệt là sử dụng các nguồn đánh giá chính xác để thể hiện phong cách viết cá nhân và thể hiện lập trường của họ.

2. Cơ sở lý luận**2.1. Thuyết ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Theory) và Hệ thống nghĩa đánh giá**

Theo Martin và White (2005), lý thuyết ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Theory) là mô hình hệ thống tập trung nhiều hơn vào nghĩa liên nhân, và mục tiêu của việc phát triển hệ thống nghĩa đánh giá là mở rộng các lý giải truyền thống về cách con người sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ thái độ, đánh giá, và xây dựng mối quan hệ xã hội; và xem xét cách giọng văn bản định vị trong mối quan hệ với các giọng văn khác và các vị trí khác trong diễn ngôn. Do đó, thay vì tập trung vào các hình thức ngữ pháp, lý thuyết này thiên về định hướng xem xét “ý nghĩa trong ngữ cảnh và các hiệu ứng tu từ” (Martin và White, 2005, tr.94), và đây cũng là lý do tại sao hệ thống nghĩa đánh giá thuộc “ngữ nghĩa diễn ngôn” - tầng

*TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: vntrang@ufl.udn.vn

**PGS.TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: nvlong@ufl.udn.vn

nghĩa thứ ba trong các tầng ngôn ngữ. Theo đó, các phạm trù ngữ nghĩa vượt ra ngoài cấp độ thể hiện của từ vựng-ngữ pháp và ngữ âm học, nói cách khác, vượt ra ngoài mệnh đề.

Hệ thống nghĩa đánh giá là một khung phân tích để nhận diện sự đánh giá trong ngôn ngữ, được khu vực hóa thành ba phạm trù chính, bao gồm (1) Thái độ (Attitude); (2) Giọng điệu (Engagement); và (3) Thang độ (Graduation). “Thái độ” phản ánh sự đánh giá thẩm mỹ hoặc kết cấu sự vật, tính chất của hiện tượng; hành vi ứng xử; cảm xúc hoặc tình cảm của đối tượng có nhận thức, được khu biệt trong ba tiểu phạm trù đánh giá: Cảm xúc (Affect), Phán xét (Judgement) và Đặc điểm (Appreciation). “Giọng điệu” liên quan cách thức thể hiện nguồn đánh giá từ người nói/ người viết hoặc sự vận động của các nguồn khác xung quanh các ý kiến trong diễn ngôn. “Thang độ” liên quan đến việc phân loại các hiện tượng mà theo đó các phạm trù được khuếch đại hoặc trở nên mờ nhạt. Nguồn ngôn ngữ đánh giá được sử dụng theo phương thức hiển ngôn hoặc hàm ngôn. Bài báo chỉ tập trung phân tích, miêu tả ngôn ngữ mang chức năng đánh giá “Thái độ” nhằm nêu bậc sự xuất hiện và giá trị của các tiểu phạm trù Tình cảm, Đạo đức và Đặc điểm trong các bài BLKTTA và BLKTTV.

2.2. Hệ thống nghĩa đánh giá Thái độ

Phạm trù “Thái độ” là bình diện đầu tiên được đề cập trong hệ thống nghĩa đánh giá, và được phân thành ba tiểu phạm trù, gồm:

2.2.1. Cảm xúc

Cảm xúc liên quan đến biểu đạt cảm xúc cá nhân, tức là cách một “chủ thể” thể hiện cảm giác tích cực (+) như “yêu thích, không thích, vui vẻ,” và tiêu cực (-) như “buồn bã, sợ hãi, hay giận dữ”. Các phạm trù *cảm xúc* bao gồm: (1) hạnh phúc (+/-), (2) an tâm (+/-), (3) hài lòng (+/-), và (4) mong muốn (+/-).

2.2.2. Phán xét

Đạo đức liên quan đến đánh giá đạo đức, hành vi, hoặc tính cách của “bị thể được đánh giá” (gọi là bị thể) dựa trên các chuẩn mực xã hội. Phạm trù này thường được sử dụng để khen ngợi hoặc chỉ trích hành vi của một bị thể nào đó về: (1) hành vi (+/-), (2) năng lực (+/-), (3) kiên định (+/-), (4) chân thực (+/-), và (5) đạo đức (+/-).

2.2.3. Đặc điểm

Đặc điểm tập trung vào đánh giá về ngoại, hoặc giá trị của sự vật, sự việc, hoặc hiện tượng. Phạm trù này thường gắn với thẩm mỹ, ý nghĩa, hoặc tác động của bị thể. *Đặc điểm* gồm ba tiểu phạm trù:

- phản ứng (Reaction): đánh giá sự hấp dẫn, và chất lượng của bị thể gây ra phản ứng cho chủ thể đánh giá;
- kết cấu (Composition): đánh giá sự hài hòa, cấu trúc, và mức độ phức tạp hay giản đơn của bị thể đánh giá;
- giá trị (Valuation): đánh giá giá trị, hoặc ý nghĩa của bị thể đánh giá.

Nguồn ngôn ngữ đánh giá “Thái độ” bao gồm những phương tiện từ vựng-ngữ pháp, hoặc biện pháp tu từ được tác giả hoặc những nguồn tham gia khác ngoài tác giả sử dụng theo phương thức hiển ngôn hoặc hàm ngôn để hiện thực hóa các bình diện ngữ nghĩa và các lĩnh vực đánh giá tích cực hoặc tiêu cực, và thậm chí có thể kết hợp với thang độ trong từng bình diện (Martin & Rose 2003; Martin & White, 2005). Ngoài ra, các bình diện đánh giá còn được hiện thực hóa bằng các đặc trưng ngữ nghĩa được kiến giải không những dựa vào ngữ cảnh mà còn dựa vào cơ sở văn hóa - xã hội và mục tiêu giao tiếp của diễn ngôn hoặc của tác giả.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính mô tả và phương pháp so sánh để tìm kiếm dữ liệu định tính và định lượng. Thông qua lăng kính Lí thuyết ngôn ngữ đánh giá (Martin và White, 2005) văn bản được phân tích theo từng ngữ cảnh cụ thể để phát hiện các giá trị thuộc Thái độ, sau đó được phân loại, thống kê theo từng tiểu phạm trù thuộc Thái độ. Công cụ phân tích dữ liệu định tính bao gồm Ngữ nghĩa diễn ngôn và Khung ngôn ngữ đánh giá của Martin và White (2005), và công cụ phân tích dữ liệu định lượng là hệ thống Microsoft Excel.

3.2. Ngữ liệu

Bộ ngữ liệu bao gồm các mẫu “Thái độ” được lấy từ 50 bài BLKTTA và 50 bài BLKTTV thuộc các tờ báo trực tuyến nổi tiếng gồm The New York Times và The Wall street journal (văn bản tiếng Anh); Thời báo Kinh tế Sài Gòn và Cafef (văn bản tiếng Việt), trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 6 năm 2021. Các bài BLKTTA được đánh số từ E1 đến E50, và V1 đến V50 cho bài BLKTTV. Đơn vị phân tích là một mệnh đề truyền tải một thông điệp hoàn chỉnh hoặc một cụm các mệnh đề biểu thị một thông điệp.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Bối cảnh xã hội và nội dung chính của các bài báo BLKTTA và BLKTTV

Theo Martin & Rose (2003), để nhận diện các bình diện đánh giá, chúng ta không chỉ dựa vào nguồn ngôn ngữ hiện thực hóa chúng mà còn cần xem xét ngữ cảnh, bối cảnh văn hóa - xã hội, và mục đích giao tiếp của tác giả hoặc của diễn ngôn. Các bài báo bình luận được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 6 năm 2021. Khung thời gian này được chọn vì các đặc điểm quan trọng của nó. Theo Blog của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2019), tăng trưởng toàn cầu năm 2019 ghi nhận tốc độ yếu nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu một thập kỷ trước, phản ánh những ảnh hưởng chung giữa các quốc gia và trong sức khỏe của nền kinh tế trong từng quốc gia. Năm 2019 cũng chứng kiến một số vấn đề như căng thẳng kinh tế vĩ mô ngày càng trầm trọng, điều kiện tài chính ngày càng chặt chẽ hơn, căng thẳng chính trị và bất ổn xã hội hoàn chỉnh bức tranh khó khăn ở mọi mặt. Khi nói đến năm 2020, đại dịch Covid-19 đã làm tổn thương nền kinh tế toàn cầu, vì vậy nhiều vấn đề vẫn đang được thảo luận. Chính những điều này sẽ cung cấp cho người đọc các bài viết bình luận với nhiều sắc thái khác nhau.

Về mục đích giao tiếp, 50 bài báo BLKTTA được thu thập trong giai đoạn trên chủ yếu trình bày thái độ của chủ thể đánh giá về: các hành động trong quá trình quản lý của tổng thống Trump và Biden trong khủng hoảng kinh tế và phục hồi kinh tế; thị trường chứng khoán với việc mua lại cổ phiếu, quỹ chi số, các khoản đầu tư cổ phiếu dưới ảnh hưởng của Fed và đại dịch; các công cụ và chính sách quản lý tài chính của Fed đối với các doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng như hệ thống ngân hàng Hoa Kỳ. Tương tự, 50 bài báo BLKTTV chủ yếu trình bày ý kiến của chủ thể đánh giá về thị trường cạnh tranh, thuế, thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán, công cụ quản lý tài chính và chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp Việt Nam, sức khỏe nền kinh tế. Theo đó các bài báo bình luận kinh tế đều có sự lựa chọn ngôn ngữ đánh giá Thái độ để đạt mục tiêu giao tiếp của tác giả.

4.2. Kết quả thống kê phân bổ các tiểu phạm trù của Thái độ trong bài BLKTTA và BLKTTV

Xem xét bảng phân bổ các tiểu phạm trù của “Thái độ” được nhận diện trong 50 bài báo BLKTTA như sau:

Bảng 4.1. Phân bổ các tiểu phạm trù của Thái độ trong bài BLKTTA

Thái độ	Tổng		Hiển ngôn		Hàm ngôn		Nghĩa tích cực		Nghĩa tiêu cực	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cảm xúc	348	13.9	188	7.4	160	6.4	183	7.2	165	6.5
Phán xét	1093	43.4	287	11.4	806	32.0	578	23.0	515	20.5
Đặc điểm	1076	42.7	714	28.4	362	14.4	566	22.5	510	20.3
Tổng	2517	100	1189	47.2	1328	52.8	1327	52.7	1190	47.3

Theo Bảng 4.1, phạm trù “Thái độ” đã được hiện thực hóa ở tất cả ba nét nghĩa Cảm xúc (Affect), Phán xét (Judgement) và Đặc điểm (Appreciation). Cụ thể, “Phán xét” là nét nghĩa phổ biến nhất trong ba phạm trù của Thái độ, chiếm 43,4%, tiếp theo là “Đặc điểm” với 42,7% và “Cảm xúc” với 13,8%. Tỷ lệ các phương thức biểu thị hàm ngôn cao hơn so với trường hợp hiển ngôn, lần lượt là 52,8% và 47,2%, do một tỉ lệ lớn giá trị Phán xét hàm ngôn chi phối. Ngoài ra, các nguồn Thái độ tích cực chiếm tỉ lệ lớn hơn một chút so với các trường hợp Thái độ tiêu cực, ở mức 52,7%, so với 47,3% các trường hợp nghĩa tiêu cực.

Sự phân bổ các tiểu phạm trù của Thái độ được nhận diện trong 50 bài BLKTTV cũng có những điểm tương đồng.

Bảng 4.2. Phân bố các tiêu phạm trừ của Thái độ trong bài BLKTTV

Thái độ	Tổng		Hiện ngôn		Hàm ngôn		Nghĩa tích cực		Nghĩa tiêu cực	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cảm xúc	266	16.8	159	10	107	6.7	152	9.5	114	7.2
Phán xét	671	42.1	217	13.6	454	28.5	455	28.6	216	13.6
Đặc điểm	655	41.1	404	25.4	251	15.8	363	22.8	292	18.3
Tổng	1592	100	780	49	812	51	970	60.9	622	39.1

Theo Bảng 4.2, cả ba tiêu phạm trừ Cảm xúc, Phán xét và Đặc điểm đều được hiện thực hóa trong các bài báo bình luận với tỉ lệ khác nhau. “Phán xét” là nét nghĩa được thể hiện với tần suất cao nhất, chiếm 42,1%, tiếp theo là Đặc điểm với 41,1% và Cảm xúc với 16,7%. 51% các phương thức biểu đạt Thái độ là hàm ngôn, cao hơn trường hợp hiện ngôn với 49%, cũng do một tỉ lệ lớn giá trị Phán xét hàm ngôn chi phối. Tương tự, các nguồn Thái độ tích cực chiếm tỉ lệ lớn hơn với các nguồn Thái độ tiêu cực, lần lượt là 58,9%, và 41,1%.

4.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của Thái độ trong bài báo BLKTTA và BLKTTV

4.3.1. Phạm trừ “Cảm xúc” trong bài báo BLKTTA và BLKTTV

Khi khảo sát các nguồn để giải thích các phản ứng cảm xúc, “Cảm xúc” được hiện thực hóa trong 50 bài báo BLKTTA bao gồm: (1) Không hạnh phúc/ Hạnh phúc, (2) Không An toàn/ An toàn, (3) Không hài lòng/ Hài lòng và (4) Không mong muốn/ Có mong muốn ((1) Un/Happiness, (2) In/Security, (3) Dis/Satisfaction, and (4) Dis/Inclination). Không mong muốn/ Mong muốn và Không An toàn/An toàn được thể hiện thường xuyên nhất, lần lượt là 4,9% và 4,8%, tiếp theo là Không hài lòng/ Hài lòng (2,5%) trong khi Không hạnh phúc/ Hạnh phúc ít được thể hiện nhất, chỉ 1,5%. Hơn nữa, có nhiều trường hợp “Cảm xúc” tích cực hơn tiêu cực (7,3% giá trị tích cực so với 6,6% giá trị tiêu cực), đặc biệt là cảm xúc “Mong muốn” chiếm tỉ lệ đáng kể ở mức 3,8%. Những người tham gia thể hiện trường “Mong muốn” nhiều nhất, và đây là một tiêu phạm trừ của “Không mong muốn/ Có mong muốn”, tuy nhiên, nét nghĩa Khốn khổ/ Ác cảm được thể hiện ít nhất. Phạm trừ “Cảm xúc” chỉ ra những cảm xúc tích cực và tiêu cực từ những người tham gia (bao gồm Tác giả và Không phải Tác giả) để đáp ứng với kích hoạt Trigger (hiện tượng kinh tế chịu trách nhiệm cho cảm xúc đó). Một số ví dụ về phạm trừ “Cảm xúc” gồm:

(1) Most important, we **need** Congress to require quarterly reporting of these estimates alongside gross domestic product. (E21, Mong muốn, tích cực, hiện ngôn)

(2) That’s a sign of investors becoming **nervous** that G.E. might default. (E34, Không an toàn, tiêu cực, hiện ngôn)

(3) Yes, I am painting a rosy picture-of a recession that is gone and the beginnings of a boom. (E9, Hài lòng, tích cực, hàm ngôn)

(4)monetary policy was actually too tight. Interest rates as a gauge of the Fed’s monetary-policy stance were-and are-no better than flying blind. (E44)

Được xem xét trong ngữ cảnh và mục đích giao tiếp cụ thể, ví dụ (1) chủ yếu tập trung vào sự thật đằng sau kết quả của các biện pháp kinh tế. Sức khỏe của nền kinh tế là chủ đề cấp bách mà mọi người đều quan tâm, và muốn tiếp cận các bình luận về tình trạng hiện tại của nó, và ở đây thái độ của người viết được truyền tải trực tiếp thông qua động từ Mong muốn “need - cần” thể hiện mong muốn của mình cũng như công chúng trong việc công khai thông tin và báo cáo kinh tế thực tế. Tương tự, ví dụ (2) minh họa cho cảm xúc tiêu cực Không an toàn thông qua việc sử dụng tính từ “lo lắng”. Với phạm trừ Cảm xúc hàm ngôn, ở ví dụ (3), mặc dù không có từ vựng hoặc cụm từ nào dành cho Cảm xúc hài lòng trên bề mặt câu chữ, nhưng người đọc vẫn có thể suy ra từ ngữ cảnh rằng Tác giả - người thể hiện cảm xúc đang trải qua cảm giác hài lòng khi đề cập đến kết quả của chính sách dưới thời chính quyền Trump. Tuy nhiên ví dụ (4) truyền tải cảm xúc tiêu cực Không An toàn. Cụm “flying blind” trong có thể là một Đặc điểm tiêu cực hiện ngôn về Giá trị, nhưng nó biểu thị nghĩa tiêu cực hàm ngôn của Cảm xúc. Ở đây đã có sự thay đổi ngữ nghĩa từ phạm trừ Đặc điểm hiện ngôn sang Cảm xúc hàm ngôn, giống như đề xuất của Cavasso và Taboada (2021).

Ở các bài báo BLKTTV, phạm trù Không an toàn/An toàn được thể hiện nhiều nhất trong bốn tiêu phạm trù của Cảm xúc, với 5,4%. Không mong muốn/ mong muốn đứng thứ hai với tỉ lệ 4,7%, theo sau là Không hài lòng/ hài lòng với tỉ lệ 4,3%. Không hạnh phúc/ hạnh phúc chiếm tỉ lệ không đáng kể, khoảng 2,2%. Liên quan đến tính phân cực của Cảm xúc, có nhiều nguồn Cảm xúc tích cực (9,1%) hơn những nguồn tiêu cực (7,6%), trong đó cảm xúc Desire and Disquiet chiếm một phần khá lớn lần lượt là 3,8% và 3,3%. Tương tự trong các bài báo BLKTTA, để truyền đạt cảm xúc về một số vấn đề cụ thể, những người tham gia thường sử dụng trường Mong muốn- Desire nhất, và ít được sử dụng nhất là Đau khổ/ Ác cảm (Misery/Antipathy). Kết quả thống kê này phù hợp, phản ánh bản chất rằng kinh tế là một khoa học nên mang tính khách quan khi thể hiện cảm xúc. Xem xét một số ví dụ:

(5) Dịch vụ môi giới chứng khoán tại địa phương tăng trưởng ấn tượng giúp nhà đầu tư có **cảm giác an toàn** hơn. (V14, An toàn, tích cực, hiển ngôn)

(6) Chúng ta đã **tự hào** về tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu ngày càng cao, về kết quả xuất siêu ngày càng lớn, (V27, Hài lòng, tích cực, hiển ngôn)

(7) Đối với doanh nghiệp tăng vốn, quá khứ cho thấy nhiều nhà đầu tư **ngậm phải trái đắng** khi đu theo “game” tăng vốn, vì sau đó doanh nghiệp tăng vốn không thành công đã đẩy cổ phiếu vào tình trạng bị bán tháo. (V20)

(8) Với một lĩnh vực chứa đựng nhiều rủi ro,..., dòng vốn nước ngoài được cho là cần thiết để hỗ trợ sự phát triển của các trung gian thanh toán tại Việt Nam... (V50)

Ví dụ (5) thể hiện cảm nhận về sức khỏe của thị trường chứng khoán. Theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán trước và sau đại dịch, nếu các nhà đầu tư chuyên nghiệp đủ can đảm, đủ bình tĩnh đánh giá thị trường với tầm nhìn dài hạn, cùng với việc phân tích tìm ra những doanh nghiệp có xu hướng phát triển tốt để đầu tư kích hoạt thì giá cổ phiếu sẽ kéo nhau tăng trong tương lai gần, giúp nhà đầu tư có lợi nhuận thực sự thay vì chờ đợi cơ hội. Theo đó, cảm xúc của nhà đầu tư được thể hiện trực tiếp thông qua cụm danh từ “cảm giác an toàn” với thang độ “hơn”. Tương tự, ví dụ (6) đề cập đến Cảm xúc Hài lòng hiển ngôn. Nét nghĩa tích cực được hiện thực hóa thông qua động từ “tự hào” về hoạt động hiệu quả của ngân hàng, đóng vai trò là bằng chứng thuyết phục người đọc tin vào quan điểm của người viết.

Ví dụ (7) hiện thực hóa Cảm xúc hàm ngôn của chủ thể đánh giá trước các vấn đề kinh tế khó khăn với việc sử dụng diễn đạt tăng cấp và so sánh. Tương tự như phong cách viết tiếng Anh, ví dụ (8) minh họa quá trình chuyển nghĩa, sử dụng phạm trù Đặc điểm tiêu cực hiển ngôn đánh giá Ví điện tử, “lĩnh vực chứa nhiều rủi ro” để hàm ý cảm giác bất an của chủ thể đánh giá.

4.3.2. Phạm trù “Phán xét” trong bài báo BLKTTA và BLKTTV

Trong số các nguồn Phán xét được thể hiện ở các bài báo BLKTTA, các nguồn Năng lực (Capacity) chiếm tỉ lệ cao nhất ở mức 28%, tiếp theo là Đạo đức (Propriety) và Hành vi (Normality) ở mức tương ứng lần lượt là 5,8% và 4,0%, trong khi phạm trù Kiên định (Tenacity) và Trung thực (Veracity) chiếm tỉ lệ thấp nhất, khoảng 2,5% và 3,1%. Ngoài ra, tính phân cực của nguồn Phán xét nghiêng về nghĩa tích cực nhiều hơn tiêu cực (+ve 23% so với -ve 20,5%). Xét một số ví dụ:

(9) This high-tech division, which has made Amazon **the world leader** in cloud computing, accounted for less than 10 percent of Amazon’s revenues in 2017 but generated \$4.3 billion in operating income. (E19, Năng lực, tích cực, hiển ngôn)

(10) Despite the familiar promises, Amazon is not a good partner. (E39, Đạo đức, tiêu cực, hiển ngôn)

(11) It would devote revenue to an ambitious set of proposals to expand economic growth and ensure it is shared more broadly. (E8, Đạo đức, tích cực, hàm ngôn)

(12) Many small businesses are running on fumes. (E27, Năng lực, tiêu cực, hàm ngôn)

Ví dụ (9) biểu thị Phán xét tích cực của các tác giả về Năng lực của Amazon, được hiện thực hóa thông qua cụm danh từ “the world leader - nhà lãnh đạo thế giới”. Trong ví dụ (10), “good - tốt” là tính từ thể hiện Phán xét tích cực, nhưng hình thức phủ định “not - không” thể hiện Phán xét Đạo đức tiêu cực, thể hiện sự chỉ trích các thủ thuật kinh doanh của công ty Amazon. Công ty này thường thổi phồng

kì vọng sau khi đàm phán với các thương gia; sau đó, công ty này lợi dụng vị thế đàm phán của mình để có được các điều khoản cực kì có lợi cho chính công ty, chẳng hạn như yêu cầu các nhà bán lẻ cung cấp dữ liệu bán hàng mà thông thường họ sẽ không chia sẻ với một công ty bên ngoài. Ví dụ (11) thể hiện sự đánh giá Đặc điểm tích cực về bị thể “a set of proposals - một loạt các đề xuất” thông qua tính từ “ambitious - tham vọng” nhưng lại hàm ý Phán xét tích cực đối với hành vi của bị thể, chính quyền Biden, trong việc mở rộng tăng trưởng kinh tế. Tương tự, trong ví dụ (12), Năng lực tiêu cực hàm ngôn được thể hiện thông qua thành ngữ tiếng Anh “run on fume” như một phép ẩn dụ, và nhờ vào bối cảnh của bài bình luận, người đọc có thể hiểu được thái độ tiêu cực của tác giả đối với các ngân hàng trung ương. Những biểu đạt phán xét theo cách này cho phép người viết định vị người đọc để đạt mục tiêu giao tiếp.

Ở các bài báo BLKTTV, trong số các nguồn Phán xét, nguồn Năng lực cũng chiếm tỉ lệ cao nhất ở mức 17%, tiếp theo là Đạo đức và Hành vi ở mức tương ứng lần lượt là 9,5% và 8,0%, trong khi phạm trù Kiên định và Trung thực chiếm tỉ lệ thấp nhất, khoảng 5,1% và 1,9%. Các nguồn Phán xét tích cực cũng nhiều hơn tiêu cực (+ve 28% so với -ve 13,5%). Phán xét khen ngợi năng lực của bị thể, đặc biệt là sự trưởng thành của họ và kinh nghiệm ngày càng tăng của các nhà đầu tư cá nhân; năng lực điều hành của các ngân hàng, hoặc quyền sở hữu của những người tham gia. Một số ví dụ về Phán xét bao gồm:

(13) Sau hai lần thị trường “đánh ngang” ngược năm nhiệm kì, nhà đầu tư cá nhân **đã có nhiều kinh nghiệm** hơn trong năm nay (V14, Năng lực, tích cực, hiển ngôn)

(14) Thị trường chứng khoán luôn là nơi phản ứng nhạy và mạnh nhất với diễn biến kinh tế - xã hội nhưng các phản ứng gần đây có phần **thái quá**. (V18, Hành vi, tiêu cực, hiển ngôn)

(15) Nhiều “ông lớn” trong ngành như Vietcombank, Vietinbank cũng đạt những kết quả khả quan trong quý đầu năm.... (V47, Năng lực, hàm ngôn)

(16) Những chiêu thức mà các nhóm lợi ích áp dụng để trục lợi trong đấu thầu cũng không còn là điều bí mật, được nói công khai trên các diễn đàn. Đó là nạn “quân xanh quân đỏ”; nạn thông thầu; (V6)

Các nguồn Phán xét tập trung đánh giá năng lực của các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán; cấp chính phủ trong việc quản lí và kiểm soát các hoạt động kinh tế và lạm phát. Ví dụ (13) sử dụng cụm động từ “đã có nhiều kinh nghiệm” chỉ ra thái độ tích cực đối với “nhà đầu tư”- bị thể được đánh giá. Ngược lại, Phán xét trong ví dụ (14) thể hiện Phán xét tiêu cực trước hành vi của nhà đầu tư thông qua biểu thức “thái quá”. Đặc biệt, các giá trị Phán xét này được tăng cấp ngữ nghĩa khi sử dụng nguồn Thang độ “nhiều kinh nghiệm hơn” và “thái quá”.

Ví dụ (15) minh họa phương thức biểu đạt Phán xét hàm ngôn thông qua việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành trong khi bình luận. Với việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành, người viết có thể truyền tải thái độ tiêu cực đối với sự phù hợp của những người tham gia. Ở đây, “quân xanh quân đỏ” là một thuật ngữ tiêu cực ám chỉ đến mảnh khoe trong đấu thầu. Nhóm xanh là nhóm giả mạo, làm nhiệm vụ mở đường. Nhà thầu nhóm xanh là nhà thầu “tham gia để bỏ”. Màu đỏ là nhà thầu được sắp xếp để thắng thầu. Tương tự như vậy, trong ví dụ (16), thông qua cụm danh từ “ông lớn” (có đặc điểm quan trọng và quyền lực), Phán xét hàm ngôn thể hiện đánh giá năng lực đáng kể của doanh nghiệp lớn trong việc kiếm lợi nhuận.

4.3.3. Phạm trù “Đặc điểm” trong bài báo BLKTTA và BLKTTV

Trong các tiêu phạm trù của Đặc điểm, các nguồn Chất lượng (Quality) và Giá trị (Valuation) chiếm tỉ lệ cao nhất, lần lượt là 15,1% và 11,2%, tiếp theo là Phản ứng-Tác động (Reaction-Impact) ở mức 9,4% và Cấu thành (Composition) chiếm tỉ lệ nhỏ nhất ở mức 7,1%. Ngoài ra, có nhiều trường hợp Đặc điểm tích cực hơn so với tiêu cực (22,5% giá trị tích cực so với 20,3% giá trị tiêu cực), đặc biệt là các trường hợp đánh giá tích cực về Chất lượng chiếm tỉ lệ khá lớn ở mức 9,7%. Ví dụ như:

(17) Not only do buybacks and dividends support a **stronger** and more **dynamic** economy, they also contribute to Americans’ retirement security. (E11, Chất lượng, tích cực, hiển ngôn)

(18) In the wake of the financial crisis, central bankers rolled out a raft of unprecedented and **complex** measures, (E30, Cấu thành, tiêu cực, hiển ngôn)

(19) The end of the coronavirus pandemic won't be a **panacea** to companies in already struggling sectors such as oil or bricks-and-mortar retail. (E17, Vai trò, tích cực, hàm ngôn)

(20) That was just one stop for the equity markets on a spring roller coaster ride, three months that saw the fastest 30 percent decline in stock prices in history, followed by the fastest 50-day increase on record. (E16, Chất lượng, tích cực, hàm ngôn)

Trong ví dụ (17) các tính từ “stronger - mạnh hơn, dynamic - năng động” được sử dụng thể hiện Đặc điểm tích cực về Chất lượng của bị thể được đánh giá. Thêm vào đó, sự hiểu biết về Chất lượng đã được củng cố bằng cách sử dụng dạng so sánh tăng cấp “mạnh hơn, năng động hơn” để làm nổi bật các hàm ý thái độ trực tiếp của nó. Ví dụ (18) minh họa cho đánh giá Đặc điểm tiêu cực hiện ngôn bằng tính từ tiêu cực “complex - phức tạp” để bình luận về đặc điểm kết cấu của bị thể được đánh giá “measures - các giao pháp”. Ở ví dụ (19), bằng cách sử dụng hình thức phủ định ngữ pháp và ẩn dụ từ vựng dưới cụm danh từ “a panacea - thuốc chữa bách bệnh”, tác giả hướng người đọc suy ra tầm quan trọng của việc chấm dứt đại dịch do vi-rút corona đối với nền kinh tế. Trong khi đó, ví dụ (20) hiện thực hóa đánh giá Đặc điểm tích cực thông qua các nguồn Thang độ. Việc sử dụng số từ và danh từ hóa xu hướng tăng và giảm ngụ ý đánh giá tiêu cực về tính phức tạp của bị thể “thị trường chứng khoán”, phương tiện hiện thực hóa này cũng được Út Dương (2021) đề xuất.

Tương tự trong các bài báo BLKTTV, tiểu phạm trù Chất lượng và Giá trị được hiện thực hóa nhiều nhất, lần lượt là 11,2% và 15,1%, tiếp theo là Phản ứng-Tác động ở mức 9,4%, và nguồn Cấu thành chiếm tỉ lệ nhỏ nhất ở mức 7,1%. Có 21,2% các nguồn Đặc điểm tích cực, cao hơn một ít so với 20% nguồn tiêu cực. Phạm trù Appreciation cho biết giá trị hoặc tầm quan trọng của sự vật, hiện tượng, hiệu quả của các chính sách hậu Covid 19 đối với nền kinh tế, kích thích kinh tế, hiệu quả của đầu tư chứng khoán, chỉ số, sức hấp dẫn của các công ty trên sàn giao dịch, v.v. Ví dụ:

(21) Ở khối doanh nghiệp tư nhân, quản lý rủi ro là **yếu tố tiên quyết**. (V38, Vai trò, tích cực, hiện ngôn)

(22) Duy trì và đẩy mạnh xuất khẩu sẽ là nhiệm vụ rất **khó khăn**, đòi hỏi nỗ lực lớn. (V25, Cấu thành, tiêu cực, hiện ngôn)

(23) Còn bên mua thì sao? Ai thuộc nhóm những nhà đầu tư đã chế ngự được cảm xúc và thông thả giải ngân khi **thị trường đỏ lửa**? (E19)

(24) Doanh nghiệp nói chung, doanh nhân - doanh nghiệp tư nhân nói riêng đều có quyền mong muốn được Nhà nước trang bị **thượng phương bảo kiếm**, đó là một hệ thống pháp luật chặt chẽ, xuyên suốt, rõ ràng hơn. (E30)

Ví dụ (21) thể hiện thái độ đánh giá tích cực về vai trò của việc “quản lý rủi ro” thông qua cụm danh từ “yếu tố tiên quyết”. Tuy nhiên, ở ví dụ (22), thái độ tiêu cực được hiện thực hóa ở phạm trù Cấu thành liên quan mức độ phức tạp của hiện tượng, hành động. Thêm vào đó, tính từ “khó khăn” được tăng cấp bởi trạng từ mức độ “rất” trong “rất khó khăn”, làm tăng cường tính biểu thái của đánh giá. Ví dụ (23) minh họa phạm trù Đặc điểm-Chất lượng tiêu cực hàm ngôn. Dựa vào ngữ cảnh, đặc biệt là việc sử dụng phép ẩn dụ từ vựng “thị trường đỏ lửa” thể hiện sự giảm giá trị cổ phiếu trên thị trường, từ đó hàm ý đánh giá tiêu cực, bi quan về hiện tượng. Một cách tương tự để hiện thực hóa nguồn Đặc điểm-Vai trò là sử dụng phép so sánh “thượng phương bảo kiếm” - biểu thị ý nghĩa định giá tích cực của đối tượng được đánh giá.

4.4. So sánh và thảo luận đặc điểm ngữ nghĩa của “Thái độ” trong bài báo BLKTTA và BLKTTV

Kết quả phân tích cho thấy trong 50 bài báo BLKTTA và 50 bài báo BLKTTV (với số lượng từ tương đương từ 8.000 đến 10.000 từ mỗi bài), tần suất các nguồn “Thái độ” được hiện thực hóa lần lượt là 2517 (BLKTTA) và 1592 (BLKTTV). Sự khác biệt này chỉ ra một khoảng cách trong xu hướng sử dụng ngôn ngữ đánh giá Thái độ trong các bài báo bình luận khi viết về các chủ đề kinh tế, cho thấy các văn bản tiếng Anh thể hiện sự đánh giá với tần suất dày hơn so với văn bản tiếng Việt. Tuy nhiên, xu hướng lựa chọn trường đánh giá Cảm xúc, Phán xét, và Đặc điểm với phương thức biểu đạt vẫn có sự tương đồng giữa hai nguồn văn bản BLKTTA và BLKTTV.

Bảng 4.3. Phân bố các tiêu phạm trù của Thái độ trong bài BLKTTA và BLKTTV

	Cảm xúc	Phán xét	Đặc điểm	Thái độ hiển ngôn	Thái độ hàm ngôn	Thái độ tích cực	Thái độ tiêu cực
BLKTTA	13,8%	43,4%	42,7%	47,2%	52,8%	52,7%	47,3%
BLKTTV	16,7%	42,1%	41,1%	49,9%	51,0%	60,9%	39,1%

Theo bảng 4.3, mặc dù tổng số nguồn Thái độ được thể hiện khác nhau trong hai nhóm văn bản bình luận kinh tế, nhưng xu hướng phân bố tỉ lệ các tiêu phạm trù của “Thái độ” có điểm tương tự nhau ở hai nguồn ngôn ngữ. Cụ thể là, Phán xét được thể hiện thường xuyên nhất, tiếp theo là Đặc điểm và sau cùng là Cảm xúc. Kết quả này phản ánh bản chất của các bài bình luận trong đó ngôn ngữ trình bày chính kiến có xu hướng nghiêng về đánh giá đối tượng (Phán xét và Đặc điểm) hơn là bày tỏ cảm xúc (Cảm xúc). Nói cách khác, tỉ lệ phân bố này phù hợp với mục đích giao tiếp của các văn bản bình luận kinh tế, vì chúng liên quan nhiều đến việc đánh giá các thực thể và hiện tượng kinh tế hoặc để hàm ý nhận xét về hành vi của đối tượng so với bày tỏ cảm xúc của chủ thể như trong một số loại diễn ngôn khác. Phát hiện này nhất quán với các nghiên cứu của Võ Nguyễn Thùy Trang (2017), Cavasso và Taboada (2021), và Zaidi và White (2021). Martin (2002) cũng chỉ ra rằng phạm trù “Đặc điểm” không phải là trường chính trong diễn ngôn mà nghĩa hàm ý là phán xét về con người và hành vi của họ, nên “Đặc điểm” là một nguồn lực để ngữ cảnh hóa Phán xét.

Trong cả hai nhóm bài báo BLKTTA và BLKTTV, ở phạm trù Phán xét, Năng lực là tiêu phạm trù chiếm tỉ lệ lớn nhất, nhưng phạm trù được thể hiện nhiều ở vị trí thứ hai là Phán xét về Tính phù hợp trong bài báo BLKTTA và Phán xét về Tính bình thường trong bài báo BLKTTV. Đối với phạm trù “Đặc điểm”, “Chất lượng” đứng đầu và “Giá trị” đứng thứ hai trong các bài báo BLKTTA, nhưng xu hướng ngược lại được phát hiện trong bài báo BLKTTV, trong đó tỉ lệ các nguồn Giá trị cao hơn các nguồn Chất lượng. Tương tự, tiêu loại Cảm xúc được đề cập thường xuyên nhất trong các bài BLKTTA là Không mong muốn/ Có mong muốn, nhưng ở các bài báo BLKTTV lại lựa chọn các nguồn Không an toàn/ an toàn nhiều hơn. Sự khác biệt tương đối về số liệu thống kê định lượng giữa các tiêu phạm trù của “Thái độ” và các phạm trù chi tiết hơn của Cảm xúc, Phán xét, Đặc điểm trong các bài báo BLKTTA và BLKTTV góp phần diễn giải sự khác biệt trong xu hướng lựa chọn nguồn ngôn ngữ đánh giá của các nhà báo Mỹ và Việt Nam.

Là tiêu phạm trù đầu tiên được đề cập trong hệ thống nghĩa đánh giá bởi Martin và White (2005), Cảm xúc chủ yếu được thể hiện thông qua các động từ chỉ cảm xúc và tập trung vào trạng thái cảm xúc của người đánh giá. Nói cách khác, người viết có thể truyền đạt thái độ của họ đối với một hiện tượng bằng cách mô tả cảm xúc của họ về hiện tượng đó và đưa ra đánh giá hiệu quả về hiện tượng đó tương ứng với nét nghĩa tích cực hoặc tiêu cực. Người viết có thể tạo ra một tuyên bố đánh giá độc đáo hơn bằng cách kết hợp nhiều biểu hiện thái độ hơn thuộc phạm trù Cảm xúc. Tuy nhiên, các bài bình luận kinh tế thường ít sử dụng nguồn Cảm xúc bởi chúng là một dạng diễn ngôn thường để tranh luận hoặc giải thích các sự kiện hoặc hiện tượng quan trọng, nên văn bản sẽ trở nên quá cá nhân hóa và không phù hợp nếu sử dụng quá nhiều các nguồn lực Cảm xúc, và điều này sẽ khiến diễn ngôn kém thuyết phục hơn (Hai-bin Wu, 2021). Thêm nữa, chủ đề của các bài bình luận kinh tế cũng là yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các nguồn lực ngôn ngữ đánh giá. Thế nên, với các sự kiện và vấn đề chính liên quan đến đánh giá con người, doanh nghiệp, thị trường hoặc các vấn đề kinh tế, quản trị doanh nghiệp, Cảm xúc càng ít được thể hiện. Khi Cảm xúc được hiện thực hóa, bằng cách mô tả các sự kiện thông qua những từ ngữ mang tính cảm xúc, người viết mời khán giả cũng thể hiện cảm xúc, hoặc ít nhất là chấp nhận cảm xúc đó là hợp lý. Đôi khi tác giả thể hiện cảm xúc bằng cách để một số nguồn được báo cáo phản hồi hiện tượng đang xem xét bằng cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực. Nhưng điều đó phụ thuộc vào mức độ đáng tin cậy hoặc hợp lý của nguồn được trích dẫn.

Khi so sánh phương thức biểu hiện hàm ngôn/ hiển ngôn ở các bài BLKTTA và BLKTTV, mặc dù có sự khác biệt về số lượng nhưng xu hướng lựa chọn hình thức biểu hiện Thái độ hiển ngôn và hàm ngôn vẫn giống nhau. Cụ thể, tỉ lệ các nguồn Thái độ hàm ngôn cao hiển ngôn mặc dù tỉ lệ chênh lệch không quá lớn. Kết quả này một phần do số lượng nguồn Phán xét hàm ngôn rất lớn chi phối. Ngược lại,

tỉ lệ nguồn Cảm xúc và Đặc điểm hiển ngôn lớn hơn nguồn hàm ngôn. Việc sử dụng các biểu thức ngầm định phản ánh những gì Warren (1989) chỉ ra về các đặc điểm điển hình của diễn ngôn kinh tế rằng “viết về nền kinh tế là sử dụng ngôn ngữ để mô tả, diễn giải và giải thích nền kinh tế, nghĩa là sử dụng một hiện vật này để viết về một hiện vật khác”. Ngoài ra, kết quả này cũng phù hợp với giải thích của Martin và White (2005) rằng phạm trù “Đặc điểm” có thể được sử dụng để hàm ý “Phán xét” hoặc “Cảm xúc”, vì vậy đây là phương tiện để hiện thực hóa Thái độ hàm ngôn. Thompson (2014) cũng có cùng quan điểm khi khẳng định biểu hiện của một loại Thái độ có thể đóng vai trò là một tuyên bố gián tiếp về một loại khác. Việc sử dụng các giá trị Thái độ hàm ngôn được hiện thực hóa bằng sự chuyển đổi ngữ nghĩa có thể giúp người viết dễ dàng hơn nhiều trong việc thể hiện thái độ chủ quan của mình và định vị người đọc để họ tiếp nhận mục tiêu giao tiếp của mình; do đó, tăng tính thuyết phục của các văn bản.

Liên quan đến thái độ đánh giá tích cực hoặc tiêu cực được hiện thực hóa bằng các phương tiện ngôn ngữ, tổng số nguồn Thái độ tích cực và tiêu cực trong các bài báo BLKTTA và BLKTTV khác nhau, nhưng tỉ lệ phân bố là tương tự. Các nguồn Thái độ tích cực chiếm tỉ lệ phần trăm lớn hơn một chút so với các nguồn tiêu cực. Tỉ lệ các nguồn Phán đoán tích cực và tiêu cực cao nhất, tiếp theo là Đặc điểm và Cảm xúc xếp cuối cùng. Một điểm đáng chú ý là trong các trường hợp biểu thị Thái độ hàm ngôn, nhiều nguồn tiêu cực được triển khai hơn các nguồn tích cực. Điều này cho thấy khi tác giả muốn chỉ trích hoặc đưa ra thái độ phê phán, họ có xu hướng sử dụng các biểu thức hàm ngôn để nói tránh, nói giảm vắn đề, và diễn ngôn nói chung được xây dựng chủ yếu theo hướng tích cực để tăng tính thuyết phục. Các nghiên cứu về tính phân cực của Halliday (1994) cũng xác nhận diễn ngôn nói chung được xây dựng chủ yếu theo hướng tích cực, do đó các biểu hiện tích cực chiếm ưu thế. Sự đánh giá tích cực hay tiêu cực có thể được xác định bởi đối tượng được đánh giá.

5. Kết luận

Việc áp dụng phương pháp phân tích định tính và so sánh dựa trên nền tảng lí thuyết ngôn ngữ đánh giá đã giúp nhận diện các phạm trù thuộc Thái độ trong các bài báo BLKTTA và BLKTTV. Việc thể hiện các tiểu phạm trù của Thái độ, phương thức thể hiện hiển ngôn và hàm ngôn, nghĩa tích cực và tiêu cực trong hai nguồn ngôn ngữ tương đối giống nhau. Các tiểu phạm trù của Phán xét và Đặc điểm được sử dụng phổ biến nhất, với hai tiểu phạm trù chủ yếu lần lượt là Năng lực và Chất lượng. Những điểm tương đồng này cho thấy xu hướng lựa chọn ngôn ngữ đánh giá trong diễn ngôn bình luận kinh tế tương đối nhất quán giữa các nhà báo và chuyên gia kinh tế Mỹ và Việt Nam. Có thể thấy dụng ý của bài bình luận kinh tế đều nhằm kích động và thuyết phục mọi người theo lập trường được người trình bày quan điểm định hình.

Về tính ứng dụng, kết quả nghiên cứu cung cấp cho người học và giảng dạy ngôn ngữ cơ sở lí luận về các đặc điểm ngữ nghĩa và biểu hiện hiện thực hóa của Thái độ, để họ có sự hiểu biết sâu sắc về phạm trù này và sử dụng nó hiệu quả hơn. Cụ thể hơn, người học ngôn ngữ có thể hiểu được chức năng, đặc điểm biểu hiện của Thái độ, từ đó có thể áp dụng kiến thức của mình vào việc học và thực hành dịch các văn bản. Đây cũng là nguồn tư liệu quan trọng về Thái độ phục vụ việc dạy-học đọc hiểu, dịch thuật, và viết các văn bản bình luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Võ Nguyễn Thùy Trang (2017), “Ngôn ngữ mang chức năng phán xét, đánh giá trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Anh và tiếng Việt”. Tạp chí *Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*. 1(3), tr.95-104.
2. Út Dương (2020), *Sử dụng đúng ngôn ngữ báo chí*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

3. Cavasso, L. & Taboada, M. (2021), A corpus analysis of online news comments using the Appraisal framework. *Journal of Corpora and Discourse Studies*, 4, pp.1-38.
4. Hai-bin Wu (2021), Appraisal perspective on Attitudinal analysis of public service advertising discourse. *English Language and Literature Studies*, 3(1), 55-66. <http://dx.doi.org/10.5539/ells.v3n1p55>.

5. Halliday, M. A. K. & Matthiessen, C. M. I. M. (2004), *An introduction to functional grammar* (3rd ed.). Hodder Arnold Publication.
6. Jakaza, E. (2013), Appraisal and Evaluation in Zimbabwean Parliamentary Discourse and Its representation in Newspaper articles. Doctoral Thesis, the Faculty of Arts and Social Science, Stellenbosch University.
7. Martin, J. R. (2002), Meaning beyond the clause: SFL perspectives. *Annual review of Applied linguistics* 22, 52-74.
8. Martin, J. R. & Rose, D. (2003), *Working with discourse. Meaning beyond the clause*. London: Continuum, (2003).
9. Martin, J. R., White, P. R. R. (2005), *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. Palgrave, London.
10. Nguyen, Thi Kim Ngan, & Nguyen, Thị Hương Lan (2020), A preliminary study on Attitude in English and Vietnamese media texts in the light of Appraisal theory, *VNU Journal of Foreign Studies*, 36(3), 101-117. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4559>.
11. Thompson, G. (2014), Affect and emotion, target-value mismatches, and Russian dolls: Refining the Appraisal model. In Thompson, G. & Alba-Juez, L. (Ed.). *Evaluation in the context*, pp.47-66, Amsterdam: John Benjamins.
12. Vo Duy Duc (2011), *Style, Structure and Ideology in English and Vietnamese Business Hard News Reporting: A comparative study*, Summary of PhD thesis, The University of Adelaide.
13. Warren, J. S. (1989), *Economics as Discourse: An Analysis of the Language of Economists*, United States: Kalua Academic Publications.
14. Zaidi, A., & White, P. R. R. (2021), Attitudinal positioning and journalistic commentary in politically fraught circumstances: Editorializing about the killing of Osama bin Laden. *Journal of Research in Applied Linguistics*, 12(2), 89-102. <https://doi.org/10.22055/RALS.2021.17011>.
15. Zhang, X. (2016), Positive Discourse Analysis of Attitude System in Economic News. *International Journal of Arts and Commerce*, 5(7), 12-17.

**Language denoting attitude in English and Vietnamese economic opinion articles:
an appraisal approach**

Abstract: The article aims to investigate the use of language of evaluation denoting “Attitude” in English and Vietnamese economic opinion articles (EEOAs and VEOAs) based on the Appraisal theory of Martin and White (2005). To conduct the study, from the discourse semantic approach, qualitative and comparative methods were used with the support of quantitative information. The dataset includes 50 EEOAs and 50 VEOAs. The realization of the Attitude with three subcategories (Emotion, Judgment, Characteristics) in the articles is analyzed and compared. In terms of semantics, the results show that despite the difference in the frequency of Attitude, EEOAs and VEOAs both use Judgment resource the most, with more positive connotations than negative ones due to the qualities of the entities being evaluated and the communicative purposes of the writers. Implicit Attitude resources are used more than explicit resources to reflect the nature of economic opinions. The research results are used for reading comprehension, translation and writing opinion.

Key words: language of evaluation; attitude; judgment; affect; economic opinion articles.